SỞ Y TẾ TP. HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN TRƯNG VƯƠNG
Số: 1381/QĐ-BVTV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành Phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 11 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu
Gói thầu "Mua sắm hóa chất Sinh hóa – Miễn dịch năm 2026"
- Hình thức chào giá trực tuyến rút gọn

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN TRƯNG VƯƠNG

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam được Quốc hội khóa XV thông qua ngày 23 tháng 6 năm 2023, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu số 57/2024/QH15 được Quốc hội khóa XV, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29/11/2024, có hiệu lực kể từ ngày 15/01/2025;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế gia trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, Thuế Nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 90/2025/QH15, được Quốc hội khóa XV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ, quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Quyết định số 4430/QĐ-SYT ngày 28/11/2025 của Sở Y tế TP. Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bệnh viện Trưng Vương trực thuộc Sở Y tế;

Theo Tờ trình về việc đề nghị phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu "Mua sắm hóa chất Sinh hóa – Miễn dịch năm 2026" - Hình thức chào giá trực tuyến rút gọn" của Phòng Vật tư thiết bị y tế ngày 03/11/2026,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu "Mua sắm hóa chất Sinh hóa – Miễn dịch năm 2026" - Hình thức chào giá trực tuyến rút gọn của Bệnh viện Trưng Vương theo các nội dung sau:

1. **Danh mục gói thầu:** bao gồm **24 mặt hàng** (Phụ lục danh mục "Mua sắm hóa chất Sinh hóa – Miễn dịch năm 2026" - Hình thức chào giá trực tuyến rút gọn đính kèm).
2. **Tổng giá trị gói thầu: 1.996.187.359 đồng** *(Số tiền bằng chữ:Một tỷ chín trăm chín mươi sáu triệu một trăm tám mươi bảy nghìn ba trăm năm mươi chín đồng).*
3. **Hình thức lựa chọn nhà thầu:** Chào giá trực tuyến theo quy trình rút gọn.
4. **Thời gian tổ chức đấu thầu:** Quý IV/2026.
5. **Loại hợp đồng:** Hợp đồng theo đơn giá cố định.
6. **Nguồn vốn:** Nguồn thu từ dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh và nguồn thu hợp pháp khác.

Điều 2: Chủ đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức đấu thầu theo đúng quy định của Luật Đấu thầu, các văn bản của nhà nước về đấu thầu và nội dung được phê duyệt tại **Điều 1** của Quyết định này.

Điều 3: Phòng Vật tư thiết bị y tế, Phòng Tài chính kế toán và các khoa có liên quan có trách nhiệm thi hành quyết định này. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- BGĐ BV;
- Lưu: VT, VTTBYT (TNN/2B)

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN TRƯNG VƯƠNG

Huỳnh Ngọc Hớn

SỞ Y TẾ TP. HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN TRUNG VƯƠNG

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC VẬT TƯ Y TẾ TIÊU HAO

Gói thầu: " Mua sắm hóa chất Sinh hóa - Miễn dịch năm 2026" - Hình thức chào giá trực tuyến rút gọn

(Đính kèm Quyết định số 1281/QĐ-BVTV ngày 17 tháng 11 năm 2026)

STT	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Ký hiệu mã nhãn mác sản phẩm	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tính năng kỹ thuật
Nhóm I: Hóa chất dùng cho máy sinh hóa gồm 06 mặt hàng tổng giá trị :										**80.248.710**	
1	Dung dịch rửa hệ thống máy sinh hóa	Wash solution	ODR2000	Beckman Coulter Ireland Inc	Ai-len	Bình 5 lít	Ml	60.000	758	45.480.000	Dung dịch rửa hệ thống máy sinh hóa; Thành phần: Sodium Hydroxide 1 - 2%; Genapol X080 1 - 2%; Sulfonic acids, C14-17-sec-alkane, muối natri 1 - 5%. **Cam kết hỗ trợ máy xét nghiệm sinh hóa**
2	Định lượng Creatinin	Creatinin	OSR6178	Beckman Coulter Ireland Inc	Ai-len	Hộp 408 ml/4x 51 ml+4x51 ml (3960 test)	ml	2.448	5.850	14.320.800	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng creatinine; Thành phần: Natri hiđroxit 120 mmol/L; Axit picric 2,9 mmol/L; Phương pháp: Jaffé method; Dải tuyến tính: Huyết thanh/ huyết tương: Phương pháp A: 5 – 2200 µmol/L (0,06 – 25,0 mg/dL); Phương pháp B: 18 – 2200 µmol/L (0,2 – 25,0 mg/dL), Nước tiểu: 88 – 35360 µmol/L (1 – 400 mg/dL); Bước sóng: 520 nm; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương, nước tiểu; Độ lặp lại: CV ≤ 3%; Độ chụm toàn phần: CV ≤ 5%; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 4 test **Cam kết hỗ trợ máy xét nghiệm sinh hóa**

STT	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Ký hiệu mã nhãn mác sản phẩm	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tính năng kỹ thuật
3	Định lượng Glucose	Glucose	OSR6221	Beckman Coulter Ireland Inc	Ai-len	Hộp 4x53 ml + 4x 27 ml (6400 test)	hộp	2	5.297.880	10.595.760	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng glucose; Thành phần: Dung dịch đệm PIPES (pH 7,6) 24 mmol/L; ATP ≥ 2 mmol/L; NAD+ ≥ 1,32 mmol/L; Mg2+ 2,37 mmol/L; Hexokinase ≥ 0,59 kU/L; G6P-DH ≥ 1,58 kU/L ; Phương pháp: Enzymatic (hexokinase method); Dải tuyến tính: Huyết thanh/ huyết tương/ dịch não tủy: 0,6 – 45,0 mmol/L, Nước tiểu: 0,2 – 45 mmol/L; Bước sóng: 340 nm; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương, nước tiểu và dịch não tủy; Độ lặp lại: CV ≤ 3%; Độ chụm toàn phần: CV ≤ 5%; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 13 test **Cam kết hỗ trợ máy xét nghiệm sinh hóa**
4	Định lượng Calci toàn phần	CALCIUM ARSENAZO	OSR61117	Beckman Coulter Ireland Inc	Ai-len	Hộp 4x29ml (6800 test)	test	1.700	861	1.463.700	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng canxi; Thành phần: Imidazol (pH 6,9); Arsenazo III 0,02%; Phương pháp: Arsenazo III; Dải tuyến tính: Huyết thanh, huyết tương: 1 – 5 mmol/L (4 – 20 mg/dL); Nước tiểu: 0,1 – 10 mmol/L (0,4 – 40 mg/dL); Bước sóng: 660 nm; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương, nước tiểu; Độ lặp lại ≤3%; Độ chụm toàn phần: ≤ 4%; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 32 test **Cam kết hỗ trợ máy xét nghiệm sinh hóa**

STT	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Ký hiệu mã nhãn mác sản phẩm	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tính năng kỹ thuật
5	Định lượng Protein toàn phần	TOTAL PROTEIN	OSR6232	Beckman Coulter Ireland Inc	Ai-len	Hộp: 4x48ml+4x48ml (hộp 5760 test)	Hộp	1	3.789.450	3.789.450	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng protein toàn phần; Thành phần: Natri hydroxyd 200 mmol/L; Kali natri tartrat 32 mmol/L; Đồng sulphat 18,8 mmol/L; Kali iodid 30 mmol/L; Phương pháp: Đo quang; Dải tuyến tính: 30–120 g/L (3–12 g/dL); Bước sóng: 540nm; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương; Độ lặp lại: CV ≤ 3,0%; Độ chụm toàn phần: CV ≤ 4,0%; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 10 test **Cam kết hỗ trợ máy xét nghiệm sinh hóa**
6	Định lượng Protein	URINARY/CSF PROTEIN	OSR6170	Beckman Coulter Ireland Inc	Ai-len	Hộp 4x19ml+1x3ml (500 test)	test	500	9.198	4.599.000	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng protein toàn phần trong nước tiểu và CSF; Thành phần: R1: Pyrogallol đỏ 47 µmol/L; Natri Molybdat 320 µmol/L; Axit succinic 50 mmol/L; Natri Benzoat 3,5 mmol/L; Natri Oxalate 1 mmol/L; Methanol 0,8% w/v; Chất hiệu chuẩn: Albumin huyết thanh người 0,5 g/L; Phương pháp: Đỏ Pyrogallol Molybdat; Dải tuyến tính: 0,01–2 g/L; Bước sóng: 600nm; Loại mẫu: Nước tiểu, dịch não tủy; Độ lặp lại: CV ≤ 5,0%; Độ chụm toàn phần: CV ≤ 10,0%; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 5 test **Cam kết hỗ trợ máy xét nghiệm sinh hóa**

STT	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Ký hiệu mã nhãn mác sản phẩm	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tính năng kỹ thuật
Nhóm II: Hóa chất dùng cho máy sinh hóa miễn dịch gồm 16 mặt hàng tổng giá trị:										1.889.505.124	
7	Hóa chất xét nghiệm định lượng PCT	ARCHITECT B-R-A-H-M-S PCT Reagent kit	6P22-25	Fisher Diagnostics	Mỹ	Hộp 100 test	test	3.800	185.850	706.230.000	Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng procalcitonin (PCT) trong huyết thanh và huyết tương. **Cam kết hỗ trợ máy xét nghiệm sinh hóa miễn dịch**
8	Hóa chất xét nghiệm định lượng Triglyceride	Triglyceride2	4T10-30	Abbott Ireland Diagnostics Division (Longford)	Ireland	Hộp/4 x 475T	TEST	9.500	6.720	63.840.000	Xét nghiệm để định lượng Triglyceride trong huyết thanh hay huyết tương. **Cam kết hỗ trợ máy xét nghiệm sinh hóa miễn dịch**
9	Test sử dụng xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng troponin tim (cTnI) trong huyết tương và huyết thanh	ARCHITECT STAT High Sensitive Troponin-I Reagent kit	3P25-27	Abbott Ireland Diagnostics Division (Longford)	Ireland	Hộp 100 test	test	2.900	75.110	217.819.000	Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng troponin I tim (cTnI) trong huyết tương và huyết thanh. **Cam kết hỗ trợ máy xét nghiệm sinh hóa miễn dịch**

STT	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Ký hiệu mã nhãn mác sản phẩm	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tính năng kỹ thuật
10	Alanine Aminotransferase	Alanine Aminotransferase2	4S88-30	Abbott Ireland Diagnostics Division (Longford)	Ireland	Hộp/4 x 990 (3960 test)	Test	19.800	3.760	74.448.000	Xét nghiệm để định lượng alanine aminotransferase trong huyết thanh hay huyết tương. **Cam kết hỗ trợ máy xét nghiệm sinh hóa miễn dịch**
11	Hóa chất xét nghiệm định lượng AST	Aspartate Aminotransferase2	4S90-30	Abbott Ireland Diagnostics Division (Longford)	Ireland	Hộp/4 x 990 (3960 test)	Test	15.840	4.032	63.866.880	Xét nghiệm để định lượng aspartate aminotransferase trong huyết thanh hoặc huyết tương. **Cam kết hỗ trợ máy xét nghiệm sinh hóa miễn dịch**
12	Test xét nghiệm CREATININE	Creatinine2	4S95-20	Abbott Ireland Diagnostics Division (Longford)	Ireland	Hộp 3600 test	test	10.800	1.538	16.610.400	Xét nghiệm được dùng để định lượng creatinine trong huyết thanh, huyết tương hay nước tiểu người.**Cam kết hỗ trợ máy xét nghiệm sinh hóa miễn dịch**
13	Hóa chất xét nghiệm định lượng Glucose	Glucose	3L82-22	Sekisui Diagnostics P.E.I Inc.	Canada	Hộp 1500 test	test	4.500	2.911	13.099.500	Xét nghiệm được dùng để định lượng nồng độ glucose trong huyết tương, huyết thanh, nước tiểu hay dịch não tủy (CSF) ở người.**Cam kết hỗ trợ máy xét nghiệm sinh hóa miễn dịch**
14	Hóa chất xét nghiệm định lượng Ultra HDL	Ultra HDL	3K33-22	Sekisui Diagnostics P.E.I Inc.	Canada	Hộp 1440 test	test	8.640	12.155	105.019.200	Xét nghiệm được sử dụng để định lượng cholesterol lipoprotein tỉ trọng cao (HDL), trong huyết thanh hay huyết tương người.**Cam kết hỗ trợ máy xét nghiệm sinh hóa miễn dịch**

STT	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Ký hiệu mã nhãn mác sản phẩm	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tính năng kỹ thuật
15	Nước rửa máy sinh hóa A	Detergent A	1J72-20	Sekisui Diagnostics P.E.I Inc.	Canada	Hộp/2x500mL	Hộp	5	2.861.000	14.305.000	Dung dịch rửa máy sinh hoá. Thành phần: 2-aminoethanol, Sodium acetate, 3-methyl-3-methoxybutanol, Diethylene glycol monoethyl ether, Polyoxyethylene polyoxypropylene blockpolymer, Polyoxyalkylene ether, Polyoxyethylene ether, Citric acid.**Cam kết hỗ trợ máy xét nghiệm sinh hóa miễn dịch**
16	Chất kiểm chứng HAVAb-IgM	ARCHITECT HAVAb-IgM Controls	6C30-11	Abbott GmbH	Đức	hộp 16 ml	hộp	1	2.094.595	2.094.595	Hoá chất chứng xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để phát hiện định tính kháng thể IgM kháng virus viêm gan A (IgM anti-HAV) trong huyết thanh và huyết tương.**Cam kết hỗ trợ máy xét nghiệm sinh hóa miễn dịch**
17	hóa chất xét nghiệm định tính kháng thể igm kháng virus viêm gan a	ARCHITECT HAVAb-IgM Reagent kit	6C30-27	Abbott GmbH	Đức	Hộp 100 test	Hộp	1	10.015.900	10.015.900	Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để phát hiện định tính kháng thể IgM kháng virus viêm gan A (IgM anti-HAV) trong huyết thanh và huyết tương.**Cam kết hỗ trợ máy xét nghiệm sinh hóa miễn dịch**
18	Hóa chất dùng cho máy phân tích sinh hóa Multichem IA Plus hoặc tương đương	Multichem IA Plus	5P76-10	Techno-path Manufacturing Ltd	Ireland	12x5ml	hộp	2	2.569.800	5.139.600	Mẫu chứng cho một số xét nghiệm miễn dịch.**Cam kết hỗ trợ máy xét nghiệm sinh hóa miễn dịch**

STT	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Ký hiệu mã nhãn mác sản phẩm	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tính năng kỹ thuật
19	Alere NT-proBNP for ARCHITECT Reagent kit	Alere NT-proBNP for ARCHITECT Reagent kit	2R10-25	Axis-Shield Diagnostics Limited	Anh	Hộp 100 test	Hộp	22	24.360.000	535.920.000	Xét nghiệm miễn dịch in vitro vi hạt hoá phát quang để định lượng peptide tăng bài tiết natri gốc N-terminal pro tuýp B trong huyết thanh và huyết tương.**Cam kết hỗ trợ máy xét nghiệm sinh hóa miễn dịch**
20	Hoá chất chuẩn xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng troponin tim (cTnI) trong huyết tương và huyết thanh.	ARCHITECT STAT High Sensitive Troponin-I Calibrators	3P25-02	Abbott Ireland Diagnostics Division (Longford)	Ireland	Hộp 24 ml	ml	24	100.585	2.414.040	Hoá chất chuẩn xét nghiệm định lượng troponin I tim (cTnI) trong huyết tương và huyết thanh.**Cam kết hỗ trợ máy xét nghiệm sinh hóa miễn dịch**
21	Hóa chất định lượng Ammonia	Ammonia Ultra	6K89-30	Sentinel CH. S.p.A	Ý	Hộp/243 test	test	243	31.163	7.572.609	Hóa chất để định lượng enzym của ammonia trong huyết tương, trên máy sinh hóa tự động. Lọ 81 test Cam kết hỗ trợ máy xét nghiệm sinh hóa miễn dịch
22	Hóa chất định lượng Cortisol	ARCHITECT CORTISOL REAGENT KIT	8D15-25	Fisher Diagnostics	Mỹ	Hộp 100 test	Hộp	6	8.518.400	51.110.400	Hoá chất định lượng cortisol trong huyết thanh, huyết tương hay nước tiểu. Hộp 100 test Cam kết hỗ trợ máy xét nghiệm sinh hóa miễn dịch

STT	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Ký hiệu mã nhãn mác sản phẩm	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tính năng kỹ thuật
Nhóm III: Hóa chất dùng cho máy miễn dịch gồm 02 mặt hàng tổng giá trị:										26.433.525	
23	Thuốc thử xét nghiệm định lượng kháng thể kháng HBsAg	Elecsys Anti-HBs II	08498598190	Roche Diagnostics GmbH, Đức	Đức	100 Test	Hộp	3	2.692.300	8.076.900	Hóa chất xét nghiệm Anti HBs. Hộp ≥ 100 test. **Cam kết hỗ trợ máy xét nghiệm miễn dịch**
24	Thuốc thử xét nghiệm định lượng PSA toàn phần	Elecsys total PSA	08791686190	Roche Diagnostics GmbH, Đức	Đức	100 Test	Hộp	3	6.118.875	18.356.625	Hóa chất xét nghiệm định lượng PSA toàn phần. Hộp ≥ 100 test. **Cam kết hỗ trợ máy miễn dịch**
Tổng cộng: 24 mặt hàng										**1.996.187.359**	

(số tiền bằng chữ: Một tỷ chín trăm chín mươi sáu triệu một trăm tám mươi bảy nghìn ba trăm năm mươi chín đồng)